

KẾ HOẠCH
Tự đánh giá và cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo
Năm học 2025 - 2026

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kiến trúc (chuyên ngành Kiến trúc công trình), ngành Kế toán (chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp), ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (chuyên ngành Xây dựng cầu đường) và ngành Kỹ thuật cấp thoát nước ngày 13/9/2024 của Đoàn đánh giá ngoài - Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 502/QĐ-ĐHXDMT ngày 05/9/2023 của Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định Đảm bảo chất lượng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây;

Căn cứ Kế hoạch số 247/KH-ĐHXDMT ngày 15/9/2025 của Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2045;

Nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường Đại học Xây dựng Miền Tây xây dựng kế hoạch tự đánh giá, cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo (CTĐT) năm học 2025-2026 như sau:

1. Mục đích

- Thực hiện tự đánh giá và cải tiến liên tục chất lượng 100% CTĐT hằng năm (09 CTĐT trình độ đại học và 01 CTĐT trình độ thạc sĩ) theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ GD&ĐT.
- Vận hành chu trình cải tiến chất lượng liên tục (PDCA) ở cấp CTĐT.
- Đạt ít nhất 85% chỉ số hài lòng từ người học, giảng viên, cựu người học và nhà tuyển dụng về chất lượng CTĐT.
- Khắc phục ít nhất 50% các tồn tại, hạn chế theo khuyến nghị đánh giá ngoài và rà soát nội bộ theo kế hoạch hằng năm.
- Nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan $\geq 85\%$.
- Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên trong thiết kế, giảng dạy, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra (CĐR) học phần, CTĐT của người học.

- Chuẩn bị tài liệu, minh chứng phục vụ thanh tra, kiểm tra, tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

2. Phạm vi áp dụng

- Hoạt động tự đánh giá triển khai đối với 100% CTĐT của Nhà trường (09 CTĐT trình độ đại học, 01 CTĐT trình độ Thạc sĩ), bao gồm tất cả CTĐT có hoặc không có đăng ký đánh giá ngoài trong năm học. Đối với CTĐT chưa triển khai đánh giá ngoài hoặc chưa đến chu kỳ kiểm định, Nhà trường thực hiện rà soát nội bộ hằng năm và tổng hợp kết quả cấp trường làm căn cứ cải tiến chất lượng.

- Áp dụng cho các phòng, khoa, đơn vị và cá nhân liên quan.

3. Nguyên tắc thực hiện

Hoạt động tự đánh giá CTĐT được triển khai theo chu trình PDCA hằng năm:

- Plan: xây dựng kế hoạch, thu thập dữ liệu.
- Do: triển khai khảo sát, rà soát CTĐT.
- Check: xây dựng báo cáo tự đánh giá, thẩm định nội bộ.
- Act: ban hành và thực hiện kế hoạch cải tiến.

Sản phẩm của hoạt động tự đánh giá hằng năm bao gồm:

- Phiếu rà soát CTĐT của từng đơn vị;
- Bảng tổng hợp kết quả rà soát các CTĐT;
- Báo cáo tự đánh giá thường niên cấp trường;
- Danh mục và kế hoạch cải tiến chất lượng.

4. Nội dung hoạt động

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị chủ trì	Thời gian dự kiến	Minh chứng dự kiến
1	Tổng kết kế hoạch tự đánh giá, cải tiến chất lượng các CTĐT năm học 2024-2025, đánh giá kết quả cải tiến.	Phòng KT&ĐBCL	10, 11/2025	Báo cáo tổng kết.
2	Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo tổng kết công tác khảo sát ý kiến các BLQ (Người học, giảng viên, nhân viên, cựu người học, nhà tuyển dụng).	Các đơn vị liên quan	Theo KH riêng	Kế hoạch, báo cáo kết quả khảo sát.
3	Xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh các CTĐT.	Phòng QLĐT	2-4/2026	Kế hoạch.
4	Thành lập các ban rà soát CTĐT từng ngành. Phân tích dữ liệu từ các BLQ, xác định điểm mạnh/tồn tại các CTĐT.	Khoa chuyên ngành	2-4/2026	Biên bản họp Khoa/Ban.

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị chủ trì	Thời gian dự kiến	Minh chứng dự kiến
5	Tập huấn, bồi dưỡng: Tổ chức 2–3 buổi cho CBGV về: Xây dựng/đo lường CDR; Phương pháp dạy học tích cực; Đánh giá dựa trên năng lực; Tích hợp kỹ năng số, ứng dụng AI trong dạy – học, khởi nghiệp.	Phòng QLĐT, Khoa	10/2025–03/2026	Kế hoạch/Biên bản tập huấn + Danh sách tham dự + Chứng chỉ/chứng nhận (nếu có).
6	Rà soát CTĐT: CDR, ĐCCT học phần, phương pháp kiểm tra đánh giá.	Khoa	2-4/2026	Biên bản/Báo cáo rà soát.
7	Xây dựng CTĐT mới theo yêu cầu thị trường lao động.	Phòng QLĐT, Khoa	2-4/2026	Kế hoạch, Báo cáo.
8	Xây dựng kế hoạch cải tiến chi tiết từng CTĐT sau đánh giá ngoài (theo Biểu 04 Thông tư số 04/2025 của Bộ GD&ĐT).	Phòng KT&ĐBCL	12/2025	Kế hoạch cải tiến.
9	Thực hiện cải tiến: Cập nhật tài liệu, học liệu số, cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá, tổ chức các Workshop nội bộ về thiết kế học phần theo CDR, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học,...	Khoa + Phòng QLĐT	Trong năm học	CTĐT, ĐCCT học phần; Kế hoạch/Biên bản/Hình ảnh workshop.
10	Hợp tác doanh nghiệp: Khảo sát ý kiến nhà sử dụng lao động, doanh nghiệp; hội thảo, hội nghị chuyên ngành.	Phòng CTCTSV, Khoa, Viện KH&HTQT	Trong năm học	Kế hoạch/Biên bản/Hình ảnh.
11	Xây dựng, triển khai kế hoạch thực tập của người học tại doanh nghiệp	Khoa chuyên ngành	Mỗi học kỳ	Kế hoạch, Báo cáo.
12	Tổng kết năm các hoạt động của Nhà trường, đánh giá mức độ hoàn thành. Báo cáo các cơ quan liên quan.	Các đơn vị liên quan	8, 9/2026	Kế hoạch, Báo cáo tổng kết năm.
13	Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ dạy học	Phòng QTTB	Trong năm học	Báo cáo



TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị chủ trì	Thời gian dự kiến	Minh chứng dự kiến
	(phòng học, phòng máy tính, thư viện,...)			
14	Ban hành Sổ tay CTĐT điện tử.	Phòng QLĐT	8, 9/2026	Link
15	Tiếp tục triển khai công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài ít nhất 02 CTĐT (ngành KTXD trình độ đại học và trình độ thạc sĩ).	Phòng KT&ĐBCL, Khoa chuyên ngành	10/2025-07/2026	Kế hoạch, quyết định,...
16	Xây dựng Báo cáo tự đánh giá cấp CTĐT tổng hợp cho tất cả CTĐT hằng năm trên cơ sở tham chiếu cấu trúc quy định tại Thông tư số 04/2025 của Bộ GD&ĐT; tổ chức họp Hội đồng Đảm bảo chất lượng thông qua Báo cáo; ban hành Báo cáo trước 31/7/2026.	Phòng KT&ĐBCL	Trước 31/7/2026	- Báo cáo tự đánh giá tổng hợp các CTĐT. - Phiếu rà soát CTĐT của từng ngành. - Biên bản họp thông qua. - Quyết định ban hành.

5. Chế độ kiểm tra, giám sát

- Kiểm tra tiến độ định kỳ.
- Báo cáo định kỳ.
- Kiểm tra đột xuất khi cần.
- Công khai kết quả thực hiện.
- Theo dõi việc thực hiện các hoạt động cải tiến của từng CTĐT trong chu kỳ năm học tiếp theo.

6. Tổ chức thực hiện

- Phòng Khảo thí & ĐBCL:
 - + Chủ trì toàn bộ các hoạt động;
 - + Tổng hợp, thẩm định báo cáo tự đánh giá các CTĐT;
 - + Kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện của các đơn vị;
 - + Tổng hợp, lưu trữ các thông tin minh chứng (Bản cứng và file mềm);
 - + Báo cáo Ban giám hiệu, Bộ GD&ĐT theo yêu cầu.
- Các Khoa chuyên ngành:
 - + Thực hiện tự đánh giá các CTĐT hằng năm;
 - + Rà soát, cải tiến CTĐT, tham gia tập huấn, báo cáo tiến độ thực hiện;

- + Nội báo cáo tự đánh giá đúng hạn;
- + Chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tự đánh giá, thông tin, minh chứng.
- Các đơn vị liên quan: Hỗ trợ theo chức năng, nhiệm vụ./.

Nơi nhận

- Hiệu trưởng (Đề b/c);
- Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Lê Tấn Truyền

Duyệt

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo kế hoạch số /KH-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Nhà trường)

Mẫu 1 (Các thông tin, nhận xét, kiến nghị, điểm mạnh, điểm tồn tại, ... trong Biểu mẫu là giả định)

TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHOA..... **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHIẾU RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Năm học: 2025 – 2026

I. Thông tin chung

- Tên chương trình đào tạo:
- Trình độ:
- Đơn vị quản lý:
- Năm kiểm định gần nhất:
- Người phụ trách rà soát:
- Thời gian rà soát:

II. Nội dung rà soát

1. Chuẩn đầu ra (CĐR)

- ☐ Phù hợp
- ☐ Cần điều chỉnh

Nhận xét:

Chuẩn đầu ra của chương trình đã được đối sánh với Khung trình độ quốc gia và tham khảo chương trình của một số trường đại học trong nước. Nhìn chung phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm của ngành.

Kiến nghị (nếu có):

Bổ sung rõ hơn năng lực về trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu trong CĐR.

2. Cấu trúc chương trình đào tạo

- ☐ Hợp lý
- ☐ Cần cập nhật

Nhận xét:

Cấu trúc chương trình đảm bảo cân đối giữa khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành; số tín chỉ thực hành chiếm khoảng 35%, phù hợp định hướng ứng dụng.

Kiến nghị:

Xem xét tăng thời lượng học phần Dự án thực tế.

3. Đề cương chi tiết học phần

☐ Đã rà soát định kỳ

☐ Chưa đồng bộ

Nhận xét:

100% đề cương học phần đã được cập nhật chuẩn đầu ra học phần và phương pháp đánh giá.

Tồn tại:

Một số học phần chưa cập nhật tài liệu tham khảo mới.

Kiến nghị:

Cập nhật tài liệu tham khảo mới cho các học phần còn thiếu.

4. Đội ngũ giảng viên

Nhận xét:

- Tổng số GV tham gia CTĐT:
- Tỷ lệ tiến sĩ:
- Cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy.

Kiến nghị:

Tiếp tục khuyến khích GV học tiến sĩ đúng chuyên ngành.

5. Người học và hỗ trợ người học

Nhận xét:

- Tỷ lệ NH hài lòng về CTĐT:
- Tỷ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp 12 tháng:
- Công tác cố vấn học tập được duy trì thường xuyên.

6. Cơ sở vật chất và học liệu

Nhận xét:

Phòng máy tính đáp ứng nhu cầu học tập; thư viện số được SV khai thác hiệu quả.

Tồn tại:

Một số phòng máy cấu hình còn thấp.

III. Tổng hợp điểm mạnh và tồn tại

Điểm mạnh:

- CDR của CTĐT rõ ràng, có đối sánh.
- Đội ngũ GV ổn định
- SV có việc làm cao

Tồn tại:

- Một số học phần cần cập nhật tài liệu
- Cần nâng cấp phòng máy thực hành 2

IV. Kiến nghị hành động cải tiến

TT	Nội dung cải tiến	Thời gian thực hiện	Đơn vị phụ trách
1	Cập nhật tài liệu học phần	12/2026	Bộ môn
2	Đề xuất nâng cấp phòng máy 2	2026–2027	Khoa

Vĩnh Long, ngày tháng 7 năm 2026

Trưởng Khoa

Người lập

Mẫu 2 (Các thông tin trong Biểu mẫu là giả định)

TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA..... Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP
THÔNG QUA KẾT QUẢ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Năm học: 2025 – 2026

I. Thời gian, địa điểm

- Thời gian: 8h00, ngày 25/7/2026
- Địa điểm: Phòng họp Khoa X

II. Thành phần tham dự

- TS. Trần Văn B - Trưởng khoa - Chủ trì
- TS. Nguyễn Văn A - Phó Trưởng khoa
- Các Trưởng bộ môn
- Thư ký: ThS. Lê Thị C

Tổng số tham dự: 13/13 người (đạt tỷ lệ theo quy định)

III. Nội dung cuộc họp

1. Báo cáo kết quả rà soát CTĐT

TS. Nguyễn Văn A trình bày:

- Kết quả rà soát chuẩn đầu ra CTĐT.
- Nội dung cập nhật đề cương chi tiết học phần.
- Phân tích kết quả khảo sát ý kiến giảng viên, người học, cựu người học, doanh nghiệp về CTĐT.
- Các tồn tại và đề xuất cải tiến CTĐT.

Khoa đã thảo luận các nội dung trên.

2. Ý kiến thảo luận

- Các thành viên thống nhất chương trình cơ bản đáp ứng yêu cầu.
- Đề nghị tăng cường cập nhật học phần mới.
- Đề nghị nâng cấp một số phòng máy.

3. Kết quả biểu quyết

Các thành viên biểu quyết thông qua kết quả rà soát CTĐT:

- Đồng ý: 12/12 (100%)
- Không đồng ý: 0
- Ý kiến khác: 0

Kết luận: Thông qua.

IV. Kiến nghị

Khoa đề nghị Nhà trường:

1. Cho phép cập nhật một số học phần từ năm học 2026–2027
2. Xem xét kế hoạch nâng cấp phòng máy
3. Tiếp tục theo dõi cải tiến trong chu kỳ tiếp theo

V. Kết thúc

Biên bản được thông qua lúc 10h30 cùng ngày.

Vĩnh Long, ngày tháng 7 năm 2026

Trưởng Khoa

Thư ký

Mẫu 3 (Các thông tin trong Biểu mẫu là giả định)

**BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
TỔNG HỢP
CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Vĩnh Long, tháng năm 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐƯỢC RÀ SOÁT

TT	Tên chương trình đào tạo	Trình độ	Khoa quản lý
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			

PHẦN I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Mục đích tự đánh giá

Trong năm học 2025-2026, Trường Đại học Xây dựng Miền Tây triển khai tự đánh giá định kỳ các CTĐT nhằm:

- Đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn theo Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của giáo dục đại học.
- Vận hành chu trình PDCA cấp CTĐT.
- Làm căn cứ cải tiến chất lượng.
- Chuẩn bị minh chứng phục vụ thanh tra, kiểm tra, tự đánh giá, đánh giá ngoài CTĐT.

2. Phạm vi và đối tượng

Toàn bộ hoạt động thiết kế, triển khai, giám sát và cải tiến CTĐT trong năm học 2025-2026. Tổng số CTĐT: 10, trong đó:

- Đại học: 9.
- Thạc sĩ: 1.

Thời gian tự đánh giá: 10/2025 – 7/2026.

Đơn vị chủ trì: Phòng KT&ĐBCL.

3. Phương pháp tự đánh giá

- Thu thập minh chứng từ các đơn vị có liên quan.
- Khảo sát ý kiến các bên liên quan (giảng viên, người học,...).
- Rà soát CTĐT và ĐCCT học phần (Phiếu rà soát CTĐT).
- Hội đồng đồng thông qua (Biên bản họp).

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của CTĐT

Điểm mạnh

- 100% CTĐT đã ban hành mục tiêu đào tạo rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và định hướng chiến lược phát triển của Nhà trường.
- Chuẩn đầu ra (CĐR) được xây dựng theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và được công bố công khai trên website.
- Có thực hiện đối sánh với chương trình của các cơ sở đào tạo tương đương.
- Có biên bản lấy ý kiến bên liên quan (giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng)

khi rà soát CĐR.

Điểm tồn tại

- Một số CĐR chưa được lượng hóa cụ thể mức độ đạt (chưa sử dụng động từ đo lường rõ ràng).
- Hoạt động cập nhật CĐR ở một số ngành chưa được thực hiện định kỳ theo chu kỳ cố định.

Kế hoạch hành động

- Rà soát toàn bộ CĐR theo hướng đo lường được, chuẩn hóa các động từ hành động.
- Thiết lập chu kỳ rà soát CĐR 2 năm/lần.
- Tăng cường khảo sát nhà tuyển dụng và cựu sinh viên làm căn cứ cập nhật.

Tự đánh giá: Đạt

2. Tiêu chuẩn 2. Cấu trúc và nội dung CTĐT

Điểm mạnh

- Cấu trúc CTĐT bảo đảm tính logic, kế thừa và liên thông giữa các học phần.
- 100% học phần có đề cương chi tiết và ma trận liên kết CLO–PLO.
- Khối lượng kiến thức đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT.

Điểm tồn tại

- Một số học phần có nội dung chồng lặp.
- Tỷ lệ học phần tích hợp kỹ năng mềm và kỹ năng số còn hạn chế ở một số CTĐT.

Kế hoạch hành động

- Rà soát tinh giản nội dung trùng lặp.
- Tích hợp kỹ năng nghề nghiệp, chuyển đổi số vào các học phần chuyên ngành.
- Chuẩn hóa biểu mẫu đề cương chi tiết toàn trường.

Tự đánh giá: Đạt

3. Tiêu chuẩn 3. Hoạt động dạy và học

Điểm mạnh

- Giảng viên áp dụng đa dạng phương pháp dạy học tích cực (thảo luận, dự án, tình huống).
- Hệ thống LMS được sử dụng hỗ trợ giảng dạy.
- Khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và hoạt động học tập trải nghiệm.

Điểm tồn tại

- Mức độ ứng dụng công nghệ trong dạy học chưa đồng đều giữa các khoa.
- Một số giảng viên chưa khai thác hiệu quả LMS.

Kế hoạch hành động

- Tổ chức tập huấn định kỳ về phương pháp dạy học số.
- Xây dựng kho học liệu dùng chung toàn trường.
- Tăng cường kiểm tra nội bộ hoạt động giảng dạy.

Tự đánh giá: Đạt

4. Tiêu chuẩn 4. Đánh giá kết quả học tập**Điểm mạnh**

- Có quy định rõ ràng về kiểm tra, đánh giá và công bố điểm.
- Áp dụng đa dạng hình thức đánh giá: bài tập, dự án, thuyết trình, thi viết.
- Có phản hồi kết quả học tập cho người học.

Điểm tồn tại

- Ngân hàng câu hỏi chưa đồng bộ ở tất cả CTĐT.
- Phân tích phổ điểm và độ tin cậy đề thi chưa thực hiện thường xuyên.

Kế hoạch hành động

- Chuẩn hóa ngân hàng câu hỏi theo chuẩn đầu ra.
- Tập huấn giảng viên xây dựng rubric và ma trận đề thi.
- Thực hiện phân tích kết quả đánh giá mỗi học kỳ.

Tự đánh giá: Đạt

5. Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**Điểm mạnh**

- Đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn.
- Có chính sách bồi dưỡng chuyên môn và khuyến khích nghiên cứu khoa học.
- Phân công giảng dạy phù hợp chuyên môn.

Điểm tồn tại

- Tỷ lệ tiến sĩ ở một số ngành còn thấp.
- Số lượng công bố quốc tế chưa cao.

Kế hoạch hành động

- Xây dựng lộ trình nâng cao tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ.

- Hỗ trợ kinh phí công bố quốc tế.
- Thu hút giảng viên có trình độ cao.

Tự đánh giá: Đạt

6. Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học

Điểm mạnh

- Có hệ thống cố vấn học tập cho từng CTĐT.
- Chính sách học bổng, hỗ trợ tài chính rõ ràng.
- Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của người học định kỳ.

Điểm tồn tại

- Dịch vụ hỗ trợ trực tuyến chưa tích hợp đồng bộ.
- Công tác cảnh báo học tập sớm chưa hiệu quả ở một số khoa.

Kế hoạch hành động

- Nâng cấp hệ thống quản lý người học tích hợp.
- Triển khai hệ thống cảnh báo học tập sớm.
- Mở rộng kênh hỗ trợ trực tuyến.

Tự đánh giá: Đạt

7. Tiêu chuẩn 7. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị

Điểm mạnh

- Phòng học, phòng thí nghiệm đáp ứng yêu cầu đào tạo.
- Thư viện có tài nguyên điện tử.
- Hệ thống CNTT vận hành ổn định.

Điểm tồn tại

- Một số trang thiết bị thực hành đã cũ.
- Tài nguyên học liệu chuyên sâu còn hạn chế.

Kế hoạch hành động

- Lập kế hoạch đầu tư nâng cấp phòng thí nghiệm.
- Mua bổ sung cơ sở dữ liệu chuyên ngành.
- Bảo trì định kỳ trang thiết bị.

Tự đánh giá: Đạt

8. Tiêu chuẩn 8. Đầu ra và kết quả đầu ra

Điểm mạnh

- Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn ở mức cao.
- Có khảo sát việc làm sau tốt nghiệp.
- Sử dụng dữ liệu phản hồi nhà tuyển dụng để cải tiến CTĐT.

Điểm tồn tại

- Công tác thu thập dữ liệu cựu sinh viên chưa đầy đủ.
- Chưa có hệ thống theo dõi việc làm dài hạn.

Kế hoạch hành động

- Xây dựng cơ sở dữ liệu cựu sinh viên tập trung.
- Thực hiện khảo sát việc làm 6 tháng và 12 tháng sau tốt nghiệp.
- Phân tích dữ liệu đầu ra làm căn cứ điều chỉnh chương trình hằng năm.

Tự đánh giá: Đạt

III. Kết quả tự đánh giá chung

3.1 Chuẩn đầu ra

Trong năm học 2025–2026, 100% chương trình đào tạo (CTĐT) đã thực hiện rà soát chuẩn đầu ra (CĐR) theo kế hoạch tự đánh giá thường niên của Nhà trường. CĐR của các CTĐT được xây dựng trên cơ sở:

- Phù hợp Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Gắn với mục tiêu đào tạo và định hướng phát triển của Nhà trường;
- Tham khảo chương trình của các cơ sở đào tạo tương đương;
- Có lấy ý kiến của các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng).

Kết quả rà soát cho thấy phần lớn CĐR được mô tả theo hướng tiếp cận năng lực, có sử dụng động từ hành động và phân nhóm kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Các CTĐT đều có bản đồ liên kết giữa chuẩn đầu ra và học phần (PLO–CLO).

Tuy nhiên, một số CTĐT chưa lượng hóa rõ mức độ đạt của từng chuẩn đầu ra; việc cập nhật CĐR ở một số ngành chưa được thực hiện theo chu kỳ cố định.

Nhìn chung, hệ thống CĐR của 10 CTĐT cơ bản đáp ứng yêu cầu, là cơ sở để thiết kế cấu trúc chương trình và tổ chức đánh giá người học.

3.2 Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT của 10 chương trình bảo đảm tuân thủ quy định về khối lượng học tập và cơ cấu các khối kiến thức (giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập, tốt nghiệp).

Qua rà soát:

- 100% CTĐT có chương trình đào tạo được ban hành hợp lệ;
- 100% học phần có đề cương chi tiết;
- Phần lớn CTĐT đã thiết lập ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra và học phần.
- Một số CTĐT đã cập nhật, điều chỉnh nội dung học phần nhằm tăng cường tính thực tiễn, bổ sung học phần tự chọn hoặc tăng thời lượng thực hành.

Tồn tại chủ yếu là còn hiện tượng chồng lặp nội dung giữa một số học phần; tỷ lệ tích hợp kỹ năng mềm và kỹ năng số chưa đồng đều giữa các CTĐT.

Nhìn chung, cấu trúc và nội dung CTĐT bảo đảm tính hệ thống, logic và phù hợp với chuẩn đầu ra đã công bố.

3.3 Hoạt động dạy học và đánh giá

Hoạt động dạy học tại các CTĐT được triển khai theo kế hoạch đào tạo năm học, với sự phân công giảng dạy phù hợp chuyên môn.

Về phương pháp dạy học:

- Giảng viên áp dụng đa dạng phương pháp giảng dạy tích cực như thảo luận nhóm, học theo dự án, tình huống;
- Hệ thống LMS được sử dụng để hỗ trợ cung cấp học liệu, giao bài tập và tương tác với người học;
- Một số CTĐT triển khai học tập kết hợp (blended learning).

Về đánh giá kết quả học tập:

- Có quy định cụ thể về kiểm tra, đánh giá và công bố điểm;
- Áp dụng nhiều hình thức đánh giá (thi viết, vấn đáp, bài tập lớn, đồ án, thuyết trình);
- Nhiều học phần đã xây dựng rubric và ma trận đề thi.

Tuy nhiên, mức độ ứng dụng công nghệ dạy học chưa đồng đều giữa các khoa; ngân hàng câu hỏi chưa được chuẩn hóa đầy đủ ở tất cả CTĐT; việc phân tích phổ điểm và phản hồi sau đánh giá chưa thực hiện thường xuyên ở một số đơn vị.

Tổng thể, hoạt động dạy học và đánh giá cơ bản đáp ứng yêu cầu, từng bước chuyển sang tiếp cận theo chuẩn đầu ra.

3.4 Đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy 10 CTĐT cơ bản đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và cơ cấu ngành nghề.

- Tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học đạt mức cao;
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu đảm bảo theo quy định;
- Việc phân công giảng dạy phù hợp với chuyên môn đào tạo.

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn phương pháp giảng dạy và đánh giá theo chuẩn đầu ra.

Tồn tại chủ yếu là tỷ lệ tiến sĩ ở một số ngành còn thấp; số lượng công bố khoa học quốc tế chưa tương xứng với tiềm năng; hoạt động nghiên cứu khoa học chưa đồng đều giữa các khoa.

Nhìn chung, đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu triển khai CTĐT, nhưng cần tiếp tục nâng cao chất lượng và trình độ chuyên môn trong giai đoạn tới.

3.5 Người học

Công tác tuyển sinh, quản lý và hỗ trợ người học được thực hiện theo quy định hiện hành.

- 100% CTĐT có cố vấn học tập;
- Nhà trường thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên;
- Có các chính sách học bổng, hỗ trợ tài chính và tư vấn học tập.

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và có việc làm sau tốt nghiệp ở mức tích cực (số liệu cụ thể cập nhật theo từng năm học).

Tồn tại chủ yếu là công tác theo dõi sinh viên sau tốt nghiệp chưa được cập nhật đầy đủ; hệ thống cảnh báo học tập sớm cần hoàn thiện hơn.

Nhìn chung, công tác hỗ trợ và quản lý người học được triển khai tương đối đồng bộ và có cơ chế cải tiến.

3.6 Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo bao gồm phòng học, phòng thực hành, thư viện và hạ tầng công nghệ thông tin.

- Phòng học đáp ứng yêu cầu giảng dạy lý thuyết;
- Các phòng thí nghiệm, thực hành cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyên môn;
- Thư viện có học liệu truyền thống và tài nguyên điện tử;
- Hệ thống CNTT và LMS vận hành ổn định.

Tuy nhiên, một số trang thiết bị thực hành đã sử dụng lâu năm; tài nguyên học liệu số chuyên sâu còn hạn chế ở một số ngành.

Tổng thể, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu triển khai CTĐT hiện tại, song cần có kế hoạch đầu tư, nâng cấp để phục vụ mục tiêu phát triển lâu dài.

IV. Tổng hợp điểm mạnh, tồn tại, cải tiến chung toàn trường

4.1. Tổng hợp điểm mạnh

Qua quá trình tự đánh giá thường niên 10 chương trình đào tạo, Nhà trường ghi nhận một số điểm mạnh nổi bật như sau:

a. Hệ thống quản lý và vận hành CTĐT tương đối đồng bộ

- 100% CTĐT có mục tiêu và chuẩn đầu ra được ban hành hợp lệ.
- Các chương trình được xây dựng theo cấu trúc thống nhất, đảm bảo tính hệ thống và liên thông.

- Có kế hoạch tự đánh giá thường niên và báo cáo tổng hợp cấp trường.

b. Đảm bảo tiếp cận theo chuẩn đầu ra

- Các CTĐT đã xây dựng bản đồ liên kết giữa chuẩn đầu ra và học phần.
- Hoạt động dạy học và đánh giá từng bước tiếp cận theo năng lực.
- Một số ngành đã triển khai đánh giá bằng rubric và phương pháp học tập dựa trên dự án.

c. Đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng yêu cầu

- Tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học cao.
- Có chính sách bồi dưỡng chuyên môn và hỗ trợ nghiên cứu khoa học.
- Phân công giảng dạy phù hợp chuyên môn.

d. Hệ thống hỗ trợ người học được duy trì

- Có cố vấn học tập cho tất cả các CTĐT.

- Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của người học.
- Có chính sách hỗ trợ học bổng và tư vấn học tập.

e. Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu cơ bản

- Phòng học, phòng thực hành đáp ứng nhu cầu hiện tại.
- Hệ thống thư viện và LMS được sử dụng hiệu quả.
- Hạ tầng CNTT vận hành ổn định.

Nhìn chung, Nhà trường đã thiết lập được nền tảng đảm bảo chất lượng nội bộ và triển khai hoạt động tự đánh giá một cách có hệ thống.

4.2. Tổng hợp tồn tại, hạn chế

Bên cạnh các điểm mạnh, quá trình tự đánh giá cũng chỉ ra một số tồn tại cần tiếp tục cải thiện:

a. Chuẩn đầu ra và cấu trúc chương trình

- Một số chuẩn đầu ra chưa lượng hóa rõ mức độ đạt.
- Hiện tượng chồng lặp nội dung giữa một số học phần.
- Tích hợp kỹ năng mềm và kỹ năng số chưa đồng đều giữa các CTĐT.

b. Hoạt động dạy học và đánh giá

- Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy chưa đồng đều.
- Ngân hàng câu hỏi và hệ thống rubric chưa được chuẩn hóa đầy đủ.
- Việc phân tích kết quả học tập chưa thực hiện thường xuyên.

c. Đội ngũ giảng viên

- Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ ở một số ngành còn thấp.
- Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa đồng đều giữa các khoa.

d. Công tác theo dõi người học và đầu ra

- Dữ liệu cựu sinh viên và việc làm sau tốt nghiệp chưa được cập nhật đầy đủ.
- Hệ thống theo dõi việc làm dài hạn chưa hoàn thiện.

e. Cơ sở vật chất

- Một số trang thiết bị thực hành đã cũ.
- Tài nguyên học liệu số chuyên sâu còn hạn chế.

Các tồn tại trên không mang tính hệ thống nghiêm trọng, nhưng cần được xử lý theo lộ trình cải tiến rõ ràng để nâng cao chất lượng đào tạo bền vững.

4.3. Định hướng và kế hoạch cải tiến chung

Trên cơ sở các điểm mạnh và tồn tại đã xác định, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chung toàn trường như sau:

a. Hoàn thiện chuẩn đầu ra và cấu trúc CTĐT

- Rà soát, chuẩn hóa CDR theo hướng đo lường được.
- Thiết lập chu kỳ rà soát định kỳ 2 năm/lần.
- Tích hợp kỹ năng số, chuyển đổi số và kỹ năng mềm vào CTĐT.

b. Chuẩn hóa hoạt động đánh giá

- Hoàn thiện ngân hàng câu hỏi và rubric đánh giá.
- Thực hiện phân tích kết quả học tập định kỳ mỗi học kỳ.
- Tăng cường tập huấn giảng viên về đánh giá theo chuẩn đầu ra.

c. Phát triển đội ngũ giảng viên

- Xây dựng lộ trình nâng cao tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ.
- Tăng cường hỗ trợ nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế.
- Thu hút giảng viên có trình độ cao.

d. Hoàn thiện hệ thống theo dõi đầu ra

- Xây dựng cơ sở dữ liệu cựu sinh viên tập trung.
- Thực hiện khảo sát việc làm sau 6 tháng và 12 tháng.
- Sử dụng dữ liệu đầu ra để điều chỉnh CTĐT hằng năm.

e. Nâng cấp cơ sở vật chất

- Lập kế hoạch đầu tư, nâng cấp phòng thí nghiệm và thiết bị thực hành.
- Mở rộng tài nguyên học liệu điện tử và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

4.4. Cam kết cải tiến liên tục

Nhà trường xác định hoạt động tự đánh giá không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu thanh tra, kiểm định mà là công cụ quản lý chất lượng nội bộ. Các nội dung cải tiến đã được đưa vào kế hoạch năm học tiếp theo, có phân công trách nhiệm cụ thể và cơ chế theo dõi định kỳ.

Trên cơ sở đó, Nhà trường cam kết:

- Duy trì tự đánh giá thường niên 100% CTĐT;
- Bảo đảm chu trình PDCA được vận hành liên tục;
- Từng bước nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội.

V. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chu kỳ thực hiện: năm học 2026 – 2027

5.1. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch

- Căn cứ kết quả tự đánh giá năm học 2025–2026
- Ưu tiên các nội dung liên quan trực tiếp đến CDR và đầu ra người học
- Bảo đảm có chỉ số theo dõi, đánh giá định kỳ
- Phân công trách nhiệm rõ ràng

5.2. Bảng kế hoạch cải tiến chi tiết

STT	Nội dung cải tiến	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Chỉ số theo dõi/KPI
1	Chuẩn hóa lại Chuẩn đầu ra (CDR) theo hướng đo lường được	Phòng QLĐT	Các Khoa	12/2026	100% CTĐT có CDR lượng hóa rõ mức độ đạt
2	Rà soát, tinh giản nội dung trùng lặp trong CTĐT	Các Khoa	Phòng QLĐT	6/2027	100% CTĐT có biên bản rà soát cấu trúc
3	Chuẩn hóa ngân hàng câu hỏi và rubric đánh giá	Phòng QLĐT	Các Khoa	5/2027	$\geq 80\%$ học phần có ngân hàng đề chuẩn hóa
4	Tập huấn giảng viên về đánh giá theo chuẩn đầu ra	Phòng ĐBCL	Phòng TCHC	3/2027	$\geq 90\%$ GV tham gia tập huấn
5	Nâng tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	Ban Giám hiệu	Các Khoa	2026–2028	Tăng tối thiểu 5%/năm tỷ lệ GV TS
6	Xây dựng cơ sở dữ liệu cựu sinh viên	Phòng CTCTSV	Các Khoa	12/2026	Có hệ thống dữ liệu tập trung, $\geq 70\%$ SV cập nhật thông tin
7	Khảo sát việc làm sau 6 tháng và 12 tháng	Phòng CTCTSV	Các Khoa	Hàng năm	Tỷ lệ phản hồi $\geq 60\%$
8	Nâng cấp phòng thí nghiệm, thiết bị thực hành	Phòng QTTB	Các Khoa	2026–2027	100% phòng thực hành đạt yêu cầu tối thiểu
9	Mở rộng tài nguyên học liệu số chuyên ngành	Thư viện	Các Khoa	2027	Tăng $\geq 20\%$ tài nguyên số
10	Triển khai hệ thống cảnh báo học tập sớm	Phòng QLĐT	Các Khoa	6/2027	100% SV có điểm cảnh báo được theo dõi

5.3. Cơ chế kiểm tra và giám sát

- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị đầu mối theo dõi việc thực hiện kế hoạch cải tiến.

- Các đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo tiến độ định kỳ 6 tháng/lần.

Kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến được tổng hợp trong Báo cáo TĐG năm học tiếp theo.

5.4. Cơ chế điều chỉnh

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vấn đề mới hoặc thay đổi điều kiện thực tế, Nhà trường sẽ:

- Rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp;
- Báo cáo Ban Giám hiệu phê duyệt;
- Cập nhật nội dung điều chỉnh vào báo cáo định kỳ.

5.5. Cam kết thực hiện

Nhà trường cam kết triển khai nghiêm túc các nội dung cải tiến nêu trên nhằm:

- Nâng cao chất lượng đào tạo bền vững;
- Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ;
- Đáp ứng yêu cầu thanh tra, kiểm định và kỳ vọng của các bên liên quan.

VI. Kết luận

Hoạt động tự đánh giá thường niên năm học 2025–2026 đã được triển khai đối với 100% chương trình đào tạo của Nhà trường, bao gồm các chương trình trình độ đại học và thạc sĩ. Quá trình tự đánh giá được thực hiện theo kế hoạch đã ban hành, có sự tham gia của các đơn vị chuyên môn và được tổng hợp ở cấp trường.

Kết quả tự đánh giá cho thấy các chương trình đào tạo cơ bản đáp ứng yêu cầu theo 8 tiêu chuẩn quy định; hệ thống quản lý và vận hành chương trình được duy trì ổn định; hoạt động dạy học, đánh giá, hỗ trợ người học và theo dõi đầu ra được triển khai tương đối đồng bộ.

Bên cạnh những điểm mạnh đã đạt được, một số nội dung cần tiếp tục cải tiến đã được xác định rõ, bao gồm: hoàn thiện chuẩn đầu ra theo hướng lượng hóa, chuẩn hóa hoạt động đánh giá, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, hoàn thiện hệ thống theo dõi việc làm sau tốt nghiệp và từng bước nâng cấp cơ sở vật chất.

Các nội dung cải tiến đã được cụ thể hóa trong Kế hoạch cải tiến chất lượng năm học tiếp theo, có phân công trách nhiệm, thời hạn thực hiện và chỉ số theo dõi. Nhà trường cam kết duy trì hoạt động tự đánh giá thường niên như một công cụ quản lý chất lượng nội bộ, bảo đảm chu trình cải tiến liên tục và nâng cao chất lượng đào tạo trong giai đoạn tiếp theo.

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu 4 (Các thông tin trong Biểu mẫu là giả định)

DANH MỤC MINH CHỨNG

TT	Tiêu chuẩn	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và Chuẩn đầu ra	Quyết định ban hành CTĐT và CDR		
		Biên bản họp rà soát CDR		
		Sơ đồ liên kết PLO–CLO		
		Minh chứng lấy ý kiến bên liên quan		
2	Tiêu chuẩn 2. Cấu trúc và nội dung CTĐT	Chương trình đào tạo đã ban hành		
		Đề cương chi tiết học phần		
		Biên bản điều chỉnh CTĐT (nếu có)		
3	Tiêu chuẩn 3. Hoạt động dạy và học	Kế hoạch giảng dạy học kỳ		
		Minh chứng LMS (ảnh chụp màn hình)		
		Biên bản dự giờ, đánh giá giảng dạy		
4	Tiêu chuẩn 4. Đánh giá kết quả học tập	Ngân hàng đề thi		
		Ma trận đề thi		
		Rubric đánh giá		
		Báo cáo phân tích kết quả học tập		
5	Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Danh sách giảng viên cơ hữu		
		Hồ sơ chuyên môn GV		
		Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn		

TT	Tiêu chuẩn	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Ghi chú
6	Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học	Danh sách cố vấn học tập		
		Quy định học bổng và hỗ trợ tài chính		
		Kết quả khảo sát mức độ hài lòng		
7	Tiêu chuẩn 7. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị	Danh mục phòng học, phòng thí nghiệm		
		Biên bản kiểm kê tài sản		
		Kế hoạch bảo trì, nâng cấp		
8	Tiêu chuẩn 8. Đầu ra và kết quả đầu ra	Thống kê tỷ lệ tốt nghiệp		
		Kết quả khảo sát việc làm		
		Báo cáo phân tích dữ liệu đầu ra		

Mẫu 5 (Các thông tin trong Biểu mẫu là giả định)

TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA..... Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên CTĐT:
- Trình độ:
- Phiên bản so sánh:
 - + Phiên bản cũ: Quyết định số
 - + Phiên bản rà soát: Quyết định số
- Thời gian thực hiện đối sánh:

I. ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA (CĐR)

Nội dung	Phiên bản cũ	Phiên bản mới	Thay đổi	Nhận xét
Số lượng CĐR	8	10	Bổ sung 2 CĐR	Bổ sung năng lực số
CĐR về kỹ năng mềm	Mô tả chung	Lượng hóa rõ	Điều chỉnh	Phù hợp yêu cầu thị trường

Nhận xét tổng hợp:

- CĐR được điều chỉnh theo hướng cụ thể hóa và đo lường được.
- Bổ sung nội dung về chuyển đổi số và kỹ năng nghề nghiệp.

II. ĐỐI SÁNH CẤU TRÚC CTĐT

Nội dung	Phiên bản Cũ	Phiên bản mới	Mức thay đổi	Lý do
Tổng số tín chỉ	150	150	Không đổi	Ổn định
Kiến thức đại cương (TC)				
Kiến thức cơ sở ngành (TC)				
Kiến thức chuyên ngành (TC)				
Thực tập tốt nghiệp (TC)				

Nội dung	Phiên bản Cũ	Phiên bản mới	Mức thay đổi	Lý do
Đề án/đề án tốt nghiệp (TC)				
Học phần tự chọn (TC)	12	15	Tăng 3 TC	Tăng linh hoạt
Tỉ lệ thực hành	25%	30%	Tăng	Gắn thực tiễn

Nhận xét:

- Tăng tính linh hoạt và thực hành.
- Không thay đổi tổng khối lượng đào tạo.

III. ĐỐI SÁNH DANH MỤC HỌC PHẦN

TT	Học phần cũ	Học phần mới	Trạng thái	Ghi chú
1	A	A	Giữ nguyên	
2	B	B	Điều chỉnh nội dung	Cập nhật tài liệu
3	C	N	Thay thế	Không còn phù hợp
4		D	Bổ sung mới	Theo đề xuất doanh nghiệp
5	E		Loại bỏ	Không còn phù hợp
...	...			

Nhận xét:

- 01 học phần được cập nhật nội dung.
- 01 học phần mới được bổ sung.
- 01 học phần thay thế do không còn phù hợp.
- 01 học phần được loại bỏ do kiến thức đã thay đổi.

IV. ĐỐI SÁNH ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tiêu chí	Phiên bản cũ	Phiên bản mới	Nhận xét
Mô tả CLO	Chung chung	Cụ thể hóa	Cải tiến
Phương pháp đánh giá	Thi tự luận, trắc nghiệm, đánh giá đồ án/bài tập lớn	Thi tự luận, trắc nghiệm, đánh giá đồ án/bài tập lớn + Rubric	Đa dạng

Tiêu chí	Phiên bản cũ	Phiên bản mới	Nhận xét
Phương pháp giảng dạy	Thuyết trình, nêu vấn đề, làm việc nhóm	Thuyết trình, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trò chơi, trải nghiệm	Đa dạng
Tài liệu tham khảo	2015–2018	2020–2024	Cập nhật

V. TÁC ĐỘNG CỦA ĐIỀU CHỈNH

- Nâng cao khả năng đạt chuẩn đầu ra.
- Tăng tính thực hành và tính ứng dụng.
- Phù hợp hơn với yêu cầu nhà tuyển dụng.

VI. KẾT LUẬN ĐỐI SÁNH

Qua đối sánh giữa phiên bản cũ và phiên bản rà soát năm học, chương trình đào tạo đã được điều chỉnh theo hướng:

- Chuẩn hóa và lượng hóa chuẩn đầu ra;
- Tăng tính linh hoạt và thực hành;
- Cập nhật nội dung theo xu hướng phát triển ngành.

Những nội dung điều chỉnh này là cơ sở để hoàn thiện báo cáo tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng trong chu kỳ tiếp theo.

Vĩnh Long, ngày tháng năm 20

Trưởng Khoa

Thư ký

Mẫu 5 (Các thông tin trong Biểu mẫu là giả định)

TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA..... Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
 NGÀNH KIẾN TRÚC**

TT	Quyết định ban hành CTĐT, ĐCCT học phần	Biên bản họp thông qua của HĐ KH&ĐT (Số, thời gian ban hành)	Ghi chú
1			
2			
3			
4	41/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/01/2024		
...	...		